

Số:16/2016/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 09 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh
sử dụng ngân sách nhà nước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ, ngày 18/6/2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của liên bộ Bộ Tài Chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 192/TTr-SKHHCN ngày 11/4/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực sau mười ngày kể từ ngày ký và đăng công báo tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU - HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Báo Vĩnh Long, Trung tâm Công báo tỉnh;
- Phòng VHXX;
- Sở Tư pháp; Sở KHHCN;
- Lưu: VT, 1.07.02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang

QUY ĐỊNH

Về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /2016/QĐ-UBND ngày 09 /5/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại quyết định này áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại quyết định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách tỉnh

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách tỉnh là nhiệm vụ khoa học và công nghệ đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- a) Có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi tỉnh;
- b) Giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ trong phạm vi tỉnh;
- c) Có sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách tỉnh, bao gồm:

- a) Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- b) Đề án khoa học cấp tỉnh;

- c) Đề tài khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- d) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh;
- đ) Dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh;
- e) Đề tài khoa học và công nghệ, dự án khoa học và công nghệ tiềm năng cấp tỉnh.

Chương II

KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Định mức chi tiền công lao động trực tiếp.

a) Định mức chi tiền công trực tiếp đối với từng chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính như sau:

$T_c = L_{cs} \times H_{stcn} \times S_{nc}$, trong đó:

T_c : Dự toán tiền công của chức danh

L_{cs} : Lương cơ sở do Nhà nước quy định

H_{stcn} : Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

S_{nc} : Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

STT	Chức danh	Hệ số tiền công theo ngày (H_{stcn})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0.59
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0.37
3	Thành viên	0.19
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0.12

b) Định mức chi tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp của các chức danh gồm: Chủ nhiệm nhiệm vụ, thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học và thành viên.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc sửa đổi, bổ sung chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước

của các đơn vị tỉnh Vĩnh Long và Nghị quyết số 137/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Ngoài ra, quy định này quy định định mức xây dựng dự toán chi thù lao chủ trì và tham gia hội thảo khoa học như sau:

Nội dung chi	Mức chi
Người chủ trì	1.125.000 đồng/buổi
Thư ký hội thảo	375.000 đồng/buổi
Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	1.500.000 đồng/báo cáo
Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	750.000 đồng/báo cáo
Thành viên tham gia hội thảo	150.000 đồng/thành viên/buổi

4. Định mức chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11/5/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê. Trong đó:

- *Chi nước uống, thuê hội trường, ... phục vụ hội thảo, họp Hội đồng (nếu có); Chi công tác phí cho người tham gia điều tra, phúc tra, kiểm tra; Chi tổ chức hội nghị công bố:* thực hiện theo Nghị quyết số 137/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Chi tập huấn nghiệp vụ điều tra (nếu có):* thực hiện theo Nghị quyết số 122/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước của cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

5. Định mức chi tiền công họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định cụ thể là:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài (nghịệm thu tại cơ quan chủ trì):		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Đề tài	
	Chủ tịch hội đồng		560
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên, thư ký hội đồng		375
	Thư ký hành chính		110

	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	Đại biểu được mời tham dự		75
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên, thư ký Hội đồng		185
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		260

6. Định mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Định mức chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi tiền công của các Hội đồng.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		600
	Thư ký hành chính		225
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		225
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		375
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.125
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
	Thư ký hành chính		225
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		375
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		525
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	525
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	375
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	225
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.125
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		750
	Thư ký hành chính		225
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		375
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		525

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập.

Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (*bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá*) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu được ủy quyền) quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Định mức chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Chi Hội đồng nghiệm thu đánh giá giữa kỳ	Đơn vị tính	Mức chi
1	Chi họp Hội đồng	Đề tài	
	Chủ tịch hội đồng		560
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên, thư ký hội đồng		375
	Thư ký hành chính		110
	Đại biểu được mời tham dự		75
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên, thư ký Hội đồng		185
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		260

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Những quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mà không quy định tại quy định này thì thực hiện theo đúng Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, ngày 22/4/2015 của liên bộ Bộ Tài Chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về *Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước*; và các quy định hiện hành của nhà nước.

2. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (hoặc đã được Tổ thẩm định tài chính đề tài cấp Tỉnh xét duyệt và ký biên bản) trước thời điểm quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt/xét duyệt tài chính.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính tổ chức thực hiện quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký: Nguyễn Văn Quang